TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2026/DS-ST
Ngày: 21-8-2026.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Kỳ và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hiệp, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Khánh Nhạc, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2). Địa chỉ: Số H đường L, phường Đ, thành phố H1. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân 4 thuộc Ngân hàng TMCP V1 (Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025). Địa chỉ: Số C, đường L, phường T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 2004, Chuyên viên xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP V1. Địa chỉ: Số C, đường L, phường T, thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2026); có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1977. Số căn cước công dân: 046077007533. Địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố H; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12/12/2025, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/01/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Quốc V có ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ. Theo

đó, ông V vay Ngân hàng số tiền: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống. Sau khi ký kết hợp đồng vay, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền: 100.000.000 đồng cho người vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ trả được số tiền gốc là 7.231.334 đồng và tiền lãi là 18.398.698 đồng. Sau đó không thực hiện đúng việc trả tiền gốc và tiền lãi định kỳ theo cam kết. Phía Ngân hàng đã thông báo và làm việc yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2026, ông Trần Quốc V còn nợ số tiền là 157.390.332 đồng; trong đó số tiền gốc nợ: 92.768.666 đồng; nợ lãi: 64.621.666 đồng (Lãi trong hạn: 3.279.005 đồng, lãi quá hạn: 61.342.661 đồng).

Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, buộc ông Trần Quốc V phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2026 là 157.390.332 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 22/8/2026 theo hợp đồng vay cho đến khi trả xong khoản nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Quốc V khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng có địa chỉ thường trú tại: Thôn X, xã H, thành phố H. Tòa án đã tiến hành xác minh và ông Trần Quốc V vẫn đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng hiện đã đi làm ăn không có mặt tại nhà. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Quốc V theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Trần Quốc V vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong vụ án dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như việc xét xử tại phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn cản trở, ảnh hưởng việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Quốc V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2026 là 157.390.332 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 22/8/2026 theo hợp đồng vay cho đến khi trả xong khoản nợ.

Về án phí: Buộc ông Trần Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về tố tụng:

[1.1]Khi ký kết, thực hiện hợp đồng và cũng như hiện nay, bị đơn là ông Trần Quốc V có đăng ký thường trú tại: Thôn X, xã H, thành phố H. Sau khi khoản nợ quá hạn, bị đơn bỏ đi không thông báo với nguyên đơn, hiện không rõ địa chỉ cụ

thể. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2]Tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định pháp luật.

[2]Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký kết ngày 21/01/2025 giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 và bên vay là ông Trần Quốc V có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng.

[2.2]Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, người vay đã nhận đủ khoản tiền vay 100.000.000 đồng. Quá trình trả nợ, bị đơn chỉ trả được số tiền gốc là 7.231.334 đồng và tiền lãi là 18.398.698 đồng, sau đó bị đơn không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Trần Quốc V phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2026) với số tiền là 157.390.332 đồng, trong đó nợ gốc: 92.768.666 đồng; nợ lãi: 64.621.666 đồng (Lãi trong hạn: 3.279.005 đồng, lãi quá hạn: 61.342.661 đồng) và khoản lãi phát sinh tính từ ngày 22/8/2026 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

[3]Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 288, 385, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 90, 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V1: Buộc ông Trần Quốc V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2026 là 157.390.332 đồng.

Kể từ ngày 22/8/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Trần Quốc V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Quốc V phải chịu 7.869.517 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 2.768.679 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0001953 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Xuân Cầm